

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HC-PT

Ngày: 22-4-2024

“V/v khiếu kiện

Hành vi hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:

Ông Hứa Quang Thông

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Tấn Lợi

Bà Lê Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 tháng 4, ngày 15 tháng 4 và ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLPT-HC ngày 06/12/2023, về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐPT-HC ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giữa:

- Người khởi kiện: Anh Võ Phúc A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số F, đường H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Người bị kiện:

1. UBND xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chủ tịch UBND xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh H, chức vụ: Chủ tịch;

Cùng địa chỉ: Tổ H, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Hữu C, sinh năm 1962.

2. Bà Bùi Kim H1, sinh năm 1958.

3. Anh Võ Hữu P, Sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Số G, lộ H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(UBND xã H, thành phố C và Chủ tịch UBND xã H, thành phố C có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Võ Hữu C, bà Bùi Kim H1, anh Võ Hữu P vắng mặt không lý do. Ông Võ Phúc A vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo người khởi kiện của ông Võ Phúc A trình bày:

Nguyên ngày 28/09/1992(âm lịch) gia đình ông Phúc A có nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị C1 diện tích đất 272m². Đến ngày 16/10/2018 gia đình ông có nhận thông báo số 57/TB-UBND ngày 16/10/2018 về việc tổ chức cưỡng chế bảo vệ thi công, ông Phúc A không đồng ý cho phép xây dựng trên đất của mình vì lý do:

Chỉ nhận bồi thường về vật chất, kiến trúc chưa nhận được bồi thường về đất, chưa nhận thông báo thu hồi đất, chưa nhận quyết định thu hồi đất, chưa quyết định bồi thường hỗ trợ về đất.

Ông Phúc A xác định người bị thiệt hại: Gia đình ông Phúc A, tuy nhiên, do quá trình khiếu nại ở cơ quan hành chính, thụ lý giải quyết của Tòa án kéo dài nên những thành viên khác trong gia đình nói lại với ông rằng: họ nãn chí, không tin tưởng pháp luật có sự công bằng, không muốn tham gia quá trình khởi kiện và cũng không muốn trở thành người có quyền và nghĩa vụ liên quan và ông Phúc A không ép buộc thành viên gia đình mình phải ủy quyền cho ông để tham gia. Xét thấy quyền lợi và lợi ích của ông Phúc A đã bị xâm phạm nên ông có đơn khiếu kiện và xác định người bị thiệt hại chính là ông Phúc A.

Ông Phúc A xác định thiệt hại như sau:

Thời điểm thiệt hại là 08 giờ ngày 17/10/2018.

Thời điểm biết thiệt hại là ngày 22/02/2022. Trước đó ông và gia đình được cán bộ UBND xã H động viên nói rằng: gia đình cứ cho thi công đi đừng chống đối, muốn gì thì sau này làm văn bản sẽ được giải quyết thấu đáo. Vì quá tin

tưởng, đến ngày 22/02/2022 thì UBND xã H có văn bản trả lời không giải quyết cho ông và cũng thời điểm đó ông biết quyền lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại.

Ông Phúc A xác định thời điểm năm 2018 người đang trực tiếp quản lý và sử dụng đất là ông và gia đình gồm:

Võ Phúc A, Võ Hữu C, sinh năm 1962; Bùi Kim H1, sinh năm 1958 và Võ Hữu P, sinh năm 1992: cùng ngụ số G, lộ H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông và gia đình cũng đã liên tục khiếu tố đến nhiều cơ quan nhưng không có kết quả. Nay ông Võ Phúc A yêu cầu:

Tuyên hành vi hành chính cưỡng chế quyền được sử dụng đất xảy ra hồi lúc 08 giờ ngày 17/10/2018 do Chủ tịch UBND xã H thực hiện là trái luật.

Đối với yêu cầu bồi thường tại phiên tòa ông Phúc A rút yêu cầu không yêu cầu Chủ tịch UBND xã H và Ủy ban nhân dân xã H bồi thường giá trị quyền sử dụng đất mà công trình đã xây dựng trên đất của ông Phúc A, số tiền tạm tính là 200.000.000 đồng.

- Theo Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C có văn bản ý kiến:

Dự án kè H xã H, thành phố C được Ủy ban nhân dân thành phố C phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2016. Theo phương án: vận động nhân dân hiến đất, nhà nước bồi thường nhà ở, tài sản vật kiến trúc và cây trồng. Ngày 13 tháng 7 năm 2016, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số:1002/QĐ-HĐBTHT&TĐC bồi thường hỗ trợ cho hộ bà Bùi Kim H1 bồi thường cây trồng và vật kiến trúc trong dự án, không bồi thường về đất.

Sau khi nhận quyết định bồi thường của Ủy ban nhân dân thành phố C, gia đình bà Bùi Kim H1 không khiếu nại quyết định. Gia đình bà Bùi Kim H1 cản trở việc thi công lót vỉa hè công trình kè H. Để đảm bảo tiến độ thi công và bảo vệ an toàn cho những người tham gia xây dựng công trình nên ngày 17 tháng 10 năm 2018, Ủy ban nhân dân xã H thực hiện bảo vệ thi công công trình kè H (theo kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 11/10/2018 của UBND xã H đã được UBND thành phố C phê duyệt). Ủy ban nhân dân xã H không tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Bùi Kim H1.

Thẩm quyền thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân thuộc Ủy ban nhân dân

thành phố C (khoản 2 Điều 66 luật Đất đai 2013). Ủy ban nhân dân xã H không thu hồi đất của gia đình ông Võ Phúc A. Do đó, việc ông Võ Phúc A yêu cầu Chủ tịch UBND xã H bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông là không có cơ sở.

- Theo ông Võ Hữu P trình bày: Ông thống nhất theo yêu cầu của ông Võ Phúc A cho rằng hành vi của Chủ tịch UBND xã H là sai đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Theo bà Bùi Kim H1 trình bày: Tại phiên tòa bà H1 yêu cầu bồi thường 300.000.000 đồng nhưng không xác định được đối tượng bồi thường.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157 và Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Bác yêu cầu của ông Võ Phúc A về việc khiếu kiện hành vi thông báo về việc tổ chức bảo vệ thi công ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C là trái pháp luật.

[2] Đình chỉ yêu cầu của ông Võ Phúc A yêu cầu UBND xã H và Chủ tịch UBND xã H bồi thường giá trị quyền sử dụng đất mà công trình đã xây dựng trên đất của ông Võ Phúc A số tiền là 200.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thời hạn về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 14/10/2023, ông Võ Phúc A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Võ Phúc A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; cho rằng ông là người có công lao trong việc bảo vệ đất không bị mất, không bị sạt lở do tự nhiên. Ngày 17/10/2028 Chủ tịch và UBND xã H đã cưỡng chế tước đi quyền sử dụng đất mà chưa bồi thường về đất cho gia đình ông thông qua hành vi bảo vệ thi công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 và khoản 4 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Hủy bản án sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa người bị kiện là Chủ tịch UBND xã H, thành phố C và UBND xã H, thành phố C có người đại diện theo pháp luật là Ông Trần Anh H, chức vụ: Chủ tịch có văn bản xin xét xử vắng mặt đúng quy định. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Võ Hữu C, bà Bùi Kim H1, anh Võ Hữu P vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 157, Điều 158, Điều 225 Luật tổ tụng hành chính Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm, ông Võ Phúc A kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, yêu cầu hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 30/9/2023 để xét xử lại. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Theo tờ trình số 140/TTr-HĐBTHT&TĐC ngày 30/6/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông C - T dự án thành phố C đối với Công trình: Kè kênh H, xã H, thành phố C của Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 140/PA- HĐBT,HT&TĐC ngày 30/6/2016, thì ngày 06 tháng 7 năm 2016 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 335/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông C - T dự án thành phố C. Công trình: Kè kênh H, xã H, thành phố C.

Ngày 13/7/2016 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành quyết định số 1002/QĐ-HĐBTHT&TĐC về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Bùi Kim H1 do

giải tỏa thực hiện công trình Kè kênh H, xã H, thành phố C số tiền tổng cộng là 8.292.640 đồng.

Ngày 11/10/2018 Ủy ban nhân dân xã H ban hành kế hoạch số 75/KH-UBND bảo vệ thi công công trình: Bờ kè H (đoạn cầu C - V). Hạn mục lót vỉa hè trước nhà ông Nguyễn Đạt T (ấp H), ông Nguyễn Văn B (ấp H), ông Lê Ngọc C2 (ấp H), bà Bùi Kim H1 (ấp Đ), xã H, phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, nhiều lần động viên hộ bà Bùi Kim H1 thực hiện nhưng không hợp tác.

Ngày 16/10/2018 Ủy ban nhân dân xã H ban hành thông báo số 57/TB-UBND về việc tổ chức bảo vệ thi công thời gian bắt đầu vào lúc 08 giờ ngày 17/10/2018.

Đến ngày 22/02/2022 UBND xã H có Thông báo số 151/TB-UBND về việc không thụ lý khiếu nại của anh Phúc A với nội dung anh Phúc A khiếu nại hành vi bảo vệ thi công của Chủ tịch UBND xã H vào lúc 8 giờ ngày 17/10/2018 là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Phúc A. UBND xã H xác định hành vi bảo vệ thi công của Chủ tịch UBND xã H đã diễn ra lúc 08 giờ 00 phút ngày 17/10/2018 trước nhà hộ bà Bùi Kim H1 theo Thông báo số 57/TB-UBND ngày 16/10/2018 của UBND xã H đã hết thời hiệu giải quyết khiếu nại.

[2.2] Đối với ông Phúc A xác định ngày 17/10/2018 gia đình ông có nhận thông báo số 57/TB-UBND ngày 16/10/2018 về việc tổ chức cưỡng chế bảo vệ thi công của Chủ tịch UBND xã H, ông không đồng ý việc tổ chức cưỡng chế bảo vệ thi công vì lý do chỉ nhận bồi thường về vật chất, kiến trúc chưa nhận được bồi thường về đất, chưa nhận thông báo thu hồi đất, chưa nhận quyết định thu hồi đất, chưa có quyết định bồi thường hỗ trợ về đất nên quyền và lợi ích của ông Phúc A đã bị xâm phạm, gia đình ông có khiếu nại nhưng không được giải quyết, do đó xác định thời điểm bị thiệt hại là 08 giờ ngày 17/10/2018.

[2.3] Căn cứ theo hồ sơ vụ án thể hiện ngày 17/10/2018 Ủy ban nhân dân xã H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H tiến hành bảo vệ thi công công trình bờ kè H.

Ngày 19/11/2018 ông Phúc A có đơn Tố cáo Chủ tịch UBND xã H gửi đến UBND thành phố C. Nội dung tố cáo hành vi của Chủ tịch UBND xã H là tự ý ban hành văn bản, tổ chức bảo vệ thi công trái pháp luật. Ngày 28/11/2018 UBND thành phố C có Thông báo số 250/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết tố cáo.

Ngày 24/02/2020 UBND xã H có Công văn số 45/UBND về việc trả lời đơn yêu cầu bồi thường của ông Võ Phúc A. Nội dung ông Phúc A yêu cầu Chủ tịch UBND xã H bồi thường thiệt hại cho ông Phúc A với số tiền là 32.000.000 đồng do có hành vi hành chính cưỡng chế, tước đoạt quyền sử dụng đất của ông mà không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. UBND xã H không chấp nhận đơn yêu cầu bồi thường của ông Phúc A.

Như vậy xác định ông Phúc A có khiếu nại nhưng nội dung khiếu nại là tố cáo Chủ tịch UBND xã ban hành văn bản không đúng quy định và khiếu nại về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do UBND xã cưỡng chế thu hồi đất thông qua thông báo bảo vệ thi công, mà không khiếu nại về hành vi hành chính của UBND xã H và Chủ tịch UBND xã H về việc tổ chức bảo vệ thi công vào ngày 17/10/2018.

Đến ngày 22/02/2022 UBND xã H có ban hành Thông báo số 151/TB-UBND về việc không thụ lý khiếu nại của ông Phúc A do đã hết thời hiệu giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 9 Luật giải quyết khiếu nại 2011.

[2.4] Tại công văn số 789/UBND-TNMT ngày 28/3/2024 về việc cung cấp thông tin của UBND thành phố C xác định: Qua kiểm tra rà soát, các cơ quan trực thuộc của UBND thành phố C không có hồ sơ giải quyết khiếu nại liên quan đến ông Võ Phúc A.

[3] Xét quá trình khởi kiện của ông Phúc A nhận thấy:

Ngày 23/3/2022, ông Võ Phúc A nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã H, thành phố C phải bồi thường tiền tương đương với giá trị quyền sử dụng đất mà công trình đã xây dựng trên phần đất của ông số tiền là 200.000.000 đồng.

Ngày 11/8/2022, ông Võ Phúc A nộp đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu tuyên hành vi hành chính cưỡng chế quyền được sử dụng đất xảy ra hồi lúc 08 giờ ngày 17/10/2018 do Chủ tịch UBND xã H thực hiện là trái luật.

Ngày 27/8/2022 ông Võ Phúc A nộp đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu tuyên hành vi hành chính cưỡng chế quyền được sử dụng đất xảy ra hồi lúc 08 giờ ngày 17/10/2018 do Chủ tịch UBND xã H thực hiện là trái luật. Buộc Chủ tịch UBND xã H, thành phố C phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất mà công trình đã xây dựng trên phần đất của ông số tiền là 200.000.000 đồng.

Ngày 16/9/2022 ông Võ Phúc A nộp đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung vẫn giữ nguyên yêu cầu là tuyên hành vi hành chính cưỡng chế quyền được sử dụng đất xảy ra hồi lúc 08 giờ ngày 17/10/2018 do Chủ tịch UBND xã H thực hiện là trái luật. Buộc Chủ tịch UBND xã H, thành phố C phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất mà công trình đã xây dựng trên phần đất của ông số tiền là 200.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính:

“1. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau:

a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc”

Như vậy: Xác định ông Võ Phúc A đã biết và nhận được thông báo số 57/TB-UBND ngày 16/10/2018 về việc tổ chức bảo vệ thi công của Chủ tịch UBND xã H vào ngày 17/10/2018. Nhưng từ ngày 17/10/2018 đến ngày 23/3/2022 ông Phúc A mới nộp đơn khởi kiện đến Tòa án là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật tổ tụng hành chính.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy theo đơn khởi kiện của ông Phúc A là yêu cầu Tòa án tuyên hành vi hành chính cưỡng chế quyền được sử dụng đất xảy ra hồi lúc 08 giờ ngày 17/10/2018 do Chủ tịch UBND xã H thực hiện là trái pháp luật, nhưng Bản án sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phúc A về hành vi thông báo về việc tổ chức bảo vệ thi công ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C là trái pháp luật, là không đúng yêu cầu khởi kiện của ông Phúc A. Tuy nhiên, việc yêu cầu tuyên hành vi cưỡng chế xảy ra ngày 17/10/2018 của ông Phúc A cũng đã hết thời hiệu khởi kiện, cho nên Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là phù hợp với khoản 4 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị hủy và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính nên ông Võ Phúc A không phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143, Điều 144, khoản 2 Điều 165, khoản 4 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015,

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh và Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 03/2023/TLPT-HC ngày 06/12/2023, về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính*”.

2. Về án phí:

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Võ Phúc A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011677 ngày 21/10/2022 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006864 ngày 05/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Võ Phúc A được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0007083, ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Tp Cao Lãnh;
- TAND Tp Cao Lãnh;
- Chi Cục THADS Tp Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, THC (O).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Quang Thông